

Số: 87/TCT-TCKT

Bình Định, ngày 05 tháng 04 năm 2021

V/v công bố thông tin về Báo cáo tài chính  
hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và  
giải trình các nội dung liên quan.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

**1. Tổ chức công bố thông tin**

Tên Công ty: Tổng công ty PISICO Bình Định - CTCP

Mã chứng khoán: PIS

Địa chỉ: số 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng Thành phố Quy Nhơn – Bình Định

Điện thoại: (0256) 3947099 Fax: (0256) 3947029

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đồng Thị Ánh - Tổng giám đốc

**2. Nội dung công bố thông tin:**

**2.1. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tổng công ty PISICO Bình Định - CTCP (PISICO) đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, cụ thể:**

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020.

**2.2. Các nội dung giải trình:**

**a) Giải trình biến động Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2020 so với năm trước.**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch
1	Doanh thu	564.490.272.675	709.232.107.251	-20,4%
2	Lợi nhuận gộp	75.853.293.056	104.326.472.606	-27,3%
3	Lợi nhuận sau thuế	30.764.521.919	34.585.401.386	-11,05%

Lợi nhuận sau thuế giảm 11,05% chủ yếu là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm cho Doanh thu giảm 20,4%, Lợi nhuận gộp giảm 27,3%.

**b) Giải trình biến động số liệu, kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2020 đã công bố thông tin so với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (Đã kiểm toán)	Năm 2020 (Đã công bố thông tin)	Chênh lệch
1	Phần lãi trong Cty liên doanh, liên kết	6.826.487.196	2.347.362.857,00	190,8%
2	Lợi nhuận sau thuế	30.764.521.919	26.285.397.580,00	17,0%

Lợi nhuận sau thuế tăng 17%, Phần lãi trong Công ty liên doanh liên kết tăng 190,8% chủ yếu là do kiểm toán điều chỉnh bổ sung phần lợi nhuận từ các Công ty liên kết, vị tại thời điểm công bố thông tin, Tổng Công ty chưa thu thập được đầy đủ thông tin tại các công ty liên doanh liên kết.

Địa chỉ Website đăng tải: Thông tin này đã được công bố trên Website của PISICO vào ngày 05/04/2021 tại đường dẫn: [www.pisico.vn](http://www.pisico.vn)

Chúng tôi cam kết các thông tin được công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website PISICO;
- Ban Tổng giám đốc;
- Các phòng nghiệp vụ
- Lưu: VT.



*Đông Chi Anh*



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 39



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lâm Đình An	Chủ tịch
Bà Đồng Thị Ánh	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Hồng Quân	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Hoàng Hải	Trưởng ban
Bà Đồng Thị Quỳnh Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Bảo Toàn	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Đồng Thị Ánh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đông Thị Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 4 năm 2021



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 02 tháng 4 năm 2021, từ trang 4 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Đình Tư  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0488-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 02 tháng 4 năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ưng Hồng Diễm An  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 4132-2017-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>246.016.748.809</b>	<b>254.559.906.403</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>22.982.970.994</b>	<b>28.704.762.762</b>
1. Tiền	111		22.982.970.994	27.704.762.762
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>27.714.908.950</b>	<b>19.446.476.145</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	27.714.908.950	19.446.476.145
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>104.978.724.212</b>	<b>120.855.897.895</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	33.790.350.650	30.494.173.368
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	19.545.885.042	63.870.334.230
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	39.365.000.000	18.410.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	20.841.248.153	15.511.253.993
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(8.563.759.633)	(7.429.863.696)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>87.901.585.571</b>	<b>84.804.336.836</b>
1. Hàng tồn kho	141	11	87.901.585.571	84.804.336.836
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.438.559.082</b>	<b>748.432.765</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		677.589.483	618.639.225
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.648.100.831	4.590.056
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	112.868.768	125.203.484
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>311.127.705.136</b>	<b>346.420.879.855</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>214.809.000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		214.809.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>87.296.698.362</b>	<b>97.700.704.616</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	73.422.397.366	83.423.542.088
- Nguyên giá	222		180.829.695.993	180.343.751.936
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.407.298.627)	(96.920.209.848)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	13.874.300.996	14.277.162.528
- Nguyên giá	228		16.970.834.944	16.970.834.944
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.096.533.948)	(2.693.672.416)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>39.074.491.828</b>	<b>44.442.472.355</b>
- Nguyên giá	231		86.217.487.253	88.685.070.015
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(47.142.995.425)	(44.242.597.660)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.328.432.038</b>	<b>6.389.748.881</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		5.223.006.318	5.758.621.872
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.105.425.720	631.127.009
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>162.920.664.624</b>	<b>184.648.779.232</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16	156.352.950.601	178.081.065.209
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	7.451.619.996	7.451.619.996
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	18	(883.905.973)	(883.905.973)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.292.609.284</b>	<b>13.239.174.771</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	12.881.130.423	10.866.612.088
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	1.174.295.607	1.661.012.919
3. Lợi thế thương mại	269	21	237.183.254	711.549.764
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>557.144.453.945</b>	<b>600.980.786.258</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>189.725.350.661</b>	<b>223.524.546.862</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>105.477.917.379</b>	<b>138.705.266.612</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	20.417.769.694	20.589.907.526
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.388.787.398	6.585.631.468
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.545.353.567	4.983.699.125
4. Phải trả người lao động	314		5.766.267.239	7.380.344.980
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.104.521.245	1.056.631.193
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	23	4.952.483.265	7.013.850.985
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.471.416.928	6.824.921.730
8. Vay ngắn hạn	320	24	62.858.786.143	82.894.197.818
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		972.531.900	1.376.081.787
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>84.247.433.282</b>	<b>84.819.280.250</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	23	77.451.211.570	74.668.058.538
2. Phải trả dài hạn khác	337		4.928.380.712	4.928.380.712
3. Vay dài hạn	338	25	1.867.841.000	5.222.841.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>367.419.103.284</b>	<b>377.456.239.396</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>367.419.103.284</b>	<b>377.456.239.396</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		15.900.677.611	19.949.896.479
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.703.335.540	12.703.335.540
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.722.579.795	43.659.351.658
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.382.873.007	18.792.463.780
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		26.339.706.788	24.866.887.878
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	27	28.092.510.338	26.143.655.719
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>557.144.453.945</b>	<b>600.980.786.258</b>



Nguyễn Đức Phước  
Người lập biểu




Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởng

Đồng Thị Ánh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 02 tháng 4 năm 2021



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Thuyết minh	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		564.490.272.675	709.232.107.251
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	29	564.490.272.675	709.232.107.251
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		488.636.979.619	604.905.634.645
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		75.853.293.056	104.326.472.606
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	8.044.458.035	11.376.293.599
6. Chi phí tài chính	22	32	7.390.449.173	6.384.718.671
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.551.336.857	5.931.295.228
7. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	24	33	6.826.487.196	3.909.308.063
8. Chi phí bán hàng	25	34	30.989.093.438	42.957.578.336
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	25.403.724.525	27.728.998.756
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		26.940.971.151	42.540.778.505
11. Thu nhập khác	31	35	11.843.748.767	363.079.114
12. Chi phí khác	32	35	2.549.007.340	987.171.331
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		9.294.741.427	(624.092.217)
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		36.235.712.578	41.916.686.288
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	4.984.473.347	6.622.111.208
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	486.717.312	709.173.694
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		30.764.521.919	34.585.401.386
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		27.839.706.788	29.536.837.879
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.924.815.131	5.048.563.507
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	1.012	992



Nguyễn Đức Phước  
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởng



Đông Thị Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 4 năm 2021



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020*

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>36.235.712.578</b>	<b>41.916.686.288</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	15.326.559.659	15.560.896.114
Các khoản dự phòng	03	1.133.895.937	1.114.457.222
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	64.325.620	29.122.753
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(18.187.499.331)	(14.483.129.792)
Chi phí lãi vay	06	3.551.336.857	5.931.295.228
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>38.124.331.320</b>	<b>50.069.327.813</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	39.661.213.281	26.464.325.058
Thay đổi hàng tồn kho	10	(2.325.443.363)	(1.824.025.350)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(4.579.183.367)	11.315.555.907
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.599.102.083)	(130.146.224)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.596.057.946)	(5.967.058.237)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.578.327.903)	(4.610.186.521)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	11.930.000	2.090.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.345.612.968)	(5.267.748.359)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>51.773.746.971</b>	<b>70.052.134.087</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(4.208.865.225)	(8.792.592.764)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	8.208.708.909	312.727.272
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(60.952.426.840)	(20.347.187.894)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	31.728.994.035	12.326.473.940
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.248.480.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	13.464.556.800	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.918.696.961	11.105.748.918
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.088.815.360)</b>	<b>(5.394.830.528)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	364.400.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	385.425.374.284	471.923.330.770
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(408.878.834.663)	(508.056.058.642)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(30.314.316.500)	(24.687.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(53.403.376.879)</b>	<b>(60.819.727.872)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(5.718.445.268)</b>	<b>3.837.575.687</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>28.704.762.762</b>	<b>24.867.048.278</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.346.500)	138.797
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>22.982.970.994</b>	<b>28.704.762.762</b>

**Nguyễn Đức Phước**  
Người lập biểu

**Nguyễn Hoàng Lam**  
Kế toán trưởng



**Đông Thị Anh**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 02 tháng 4 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần, 5 công ty con và 4 công ty liên doanh, liên kết, cụ thể như sau:

**Công ty mẹ**

Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định là Công ty Trách nhiệm hữu hạn ("TNHH") Một thành viên ("MTV") do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 01 tháng 9 năm 2010.

Ngày 17 tháng 10 năm 2013, UBND Tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định thành Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần.

Công ty mẹ chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần ("CTCP") kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014.

Công ty mẹ đã được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCoM theo Quyết định số 851/QĐ-SGDHN ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PIS. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán PIS là ngày 12 tháng 01 năm 2016 (theo sự chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại thông báo số 1501/TB-SGDHN ngày 31 tháng 12 năm 2015).

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 294 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 358 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty mẹ bao gồm trồng và khai thác rừng; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Thăm dò, khai thác, chế biến mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu cho ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Kinh doanh dịch vụ cảng biển; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ ăn uống; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, giao nhận và bảo quản hàng hóa; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản; Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động làm việc ở nước ngoài; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp.



**Sự kiện quan trọng trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong năm 2020, sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới gây ra ("Covid-19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ diễn biến không chắc chắn của đại dịch Covid-19 ở Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng của Covid-19 đối với tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đồng thời theo dõi các chính sách hỗ trợ của Chính phủ để thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính. Ban Tổng Giám đốc đang tiếp tục theo dõi tình hình diễn biến của dịch bệnh và cũng tin tưởng rằng Covid-19 không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty mẹ có các chi nhánh trực thuộc như sau:

- (i) Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu PISICO – Chi nhánh PISICO được thành lập theo Giấy chứng nhận Chi nhánh số 4100258987-001 ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp. Hoạt động chính của chi nhánh này là sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
- (ii) Xí nghiệp Lâm nghiệp – Chi nhánh PISICO được thành lập theo Giấy chứng nhận Chi nhánh số 4100258987-003 ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp. Hoạt động chính của chi nhánh này là trồng rừng và chăm sóc rừng.
- (iii) Xí nghiệp Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng PISICO – Chi nhánh PISICO được thành lập theo Giấy chứng nhận Chi nhánh số 4100258987-018 ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp. Hoạt động chính của chi nhánh này là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**Các công ty con**

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
CTCP Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	70,83%	70,83%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, cho thuê cơ sở hạ tầng.
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	100%	100%	Quản lý hoạt động và kinh doanh truyền hình cáp; Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành truyền hình; Hoạt động kinh doanh các chương trình quảng cáo, dịch vụ truyền thông, tổ chức sự kiện cho các doanh nghiệp.
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	51%	51%	Thu mua, chế biến và sản xuất dăm gỗ xuất khẩu.
Công ty TNHH MTV HR Pisico	Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam	100%	100%	Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động làm việc ở nước ngoài; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;



Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời.

CTCP Pisico Đăk Lăk	M'Đrăk, Đăk Lăk, Việt Nam	75,87%	75,87%	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
---------------------	---------------------------------	--------	--------	---

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C (gọi tắt là "CTCP PBC") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350300041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 19 tháng 02 năm 2004 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của CTCP PBC đặt tại Lô điều hành Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Hoạt động chính của CTCP PBC bao gồm kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, cho thuê cơ sở hạ tầng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá gốc khoản đầu tư của Công ty mẹ vào CTCP PBC là 13.625.000.000 đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Truyền hình cáp Quy Nhơn (gọi tắt là "Công ty Truyền hình cáp Quy Nhơn") là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4101321208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 23 tháng 3 năm 2012 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Truyền hình cáp Quy Nhơn đặt tại 198 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Hoạt động chính của Công ty Truyền hình cáp Quy Nhơn bao gồm quản lý hoạt động và kinh doanh truyền hình cáp; kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành truyền hình; hoạt động kinh doanh các chương trình quảng cáo, dịch vụ truyền thông, tổ chức sự kiện cho các doanh nghiệp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá gốc khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty Truyền hình cáp Quy Nhơn là 5.469.524.664 đồng.

Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn (gọi tắt là "Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn") là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350200061 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 20 tháng 10 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn đặt tại Đường số 10, Khu công nghiệp Phú Tài, Phường Bùi Thị Xuân, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Hoạt động chính của Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn bao gồm chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá gốc khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn là 14.101.830.626 đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên HR Pisico (gọi tắt là "Công ty HR Pisico") là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4101538507 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 26 tháng 02 năm 2019. Trụ sở đăng ký của Công ty HR Pisico đặt tại 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định. Hoạt động chính của Công ty HR Pisico bao gồm cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; cung ứng và quản lý nguồn lao động làm việc ở nước ngoài; dịch vụ hỗ trợ giáo dục; giáo dục khác chưa được phân vào đâu; hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm và cung ứng lao động tạm thời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá gốc khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty HR Pisico là 5.000.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần PISICO Đăk Lăk (gọi tắt là "CTCP PISICO Đăk Lăk") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6001663071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 02 tháng 7 năm 2019. Trụ sở đăng ký của CTCP PISICO Đăk Lăk đặt tại 25 An Dương Vương, Thị trấn M'Đrăk, Huyện M'Đrăk, Tỉnh Đăk Lăk. Hoạt động chính của CTCP PISICO Đăk Lăk bao gồm kinh doanh sản xuất dăm gỗ và chế biến nguyên liệu giấy. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 giá gốc khoản đầu tư của Công ty mẹ vào CTCP PISICO Đăk Lăk với số tiền là 1.365.600.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 0 đồng).



**Các công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty với tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ từ 20% đến 50%:

CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định “CNN Bình Định”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100583151 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 30 tháng 12 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định đặt tại Số 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định. Hoạt động chính của CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định là trồng và khai thác cây cao su. Tổng vốn điều lệ của CTCP Công nông nghiệp Bình Định là 180 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 50% tại Công ty này. CTCP Công nông nghiệp Bình Định có công ty con là Công ty TNHH Lào Bidina với tỷ lệ sở hữu là 100%.

Công ty TNHH Lào Bidina được thành lập tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy phép đầu tư nước ngoài số 131-06/UB-KHĐT ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Kế hoạch và Đầu tư nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cấp, và giấy phép điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty TNHH Lào Bidina là trồng và khai thác cây cao su.

Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất PISICO (gọi tắt là “CTCP Nội thất PISICO”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 3503000173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 26 tháng 12 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của CTCP Nội thất PISICO đặt tại Lô C6-C7 Khu Công nghiệp Phú Tài, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Hoạt động chính của CTCP Nội thất PISICO bao gồm sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Tổng vốn điều lệ của CTCP Nội thất PISICO là 22,5 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 40,01% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 40,01%).

Công ty Cổ phần PISICO Hà Thanh (gọi tắt là “CTCP PISICO Hà Thanh”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4101191767 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 19 tháng 3 năm 2011, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của CTCP PISICO Hà Thanh đặt tại Cụm Công nghiệp Canh Vinh, Xã Canh Vinh, Huyện Vân Canh, Bình Định. Hoạt động chính của CTCP PISICO Hà Thanh bao gồm sản xuất bột giấy, giấy và bìa. Tổng vốn điều lệ của CTCP PISICO Hà Thanh là 23,8 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 44,97% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 44,97%).

Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định (gọi tắt là “Công ty Dăm gỗ Bình Định”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 351043000109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 27 tháng 6 năm 2008, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Dăm gỗ Bình Định đặt tại Đường Tây Sơn, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Hoạt động chính của Công ty Dăm gỗ Bình Định bao gồm thu mua, chế biến và sản xuất dăm gỗ xuất khẩu. Tổng vốn điều lệ của Công ty Dăm gỗ Bình Định là 9 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu gián tiếp và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn lần lượt là 22,95% và 45% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: tỷ lệ sở hữu gián tiếp và tỷ lệ quyền biểu quyết lần lượt là 22,95% và 45%).

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.





**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát ("các công ty con") được lập cho đến ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.



### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi phát sinh từ các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư, như chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính. Khoản này được ghi tăng (giảm) giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản mục tương ứng của vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp công ty liên kết sử dụng ngoại tệ, không phải là Đồng Việt Nam, làm đơn vị tiền tệ kế toán, cho mục đích hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu, báo cáo được tài chính của công ty liên kết được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối niên độ;
- Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày góp vốn;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận đã trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi nhuận, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân năm tài chính;
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty liên kết sử dụng đồng tiền kế toán là ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán của công ty liên kết; và chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 và chỉ tiêu "Lợi ích cổ đông không kiểm soát" - Mã số 429 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.





- Tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính được công ty liên kết lựa chọn theo ngân hàng mà công ty thường xuyên có giao dịch.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 3 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn*

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho mua ngoài bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho và chi phí thu mua, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho được sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Phương tiện vận tải	3 - 15
Tài sản khác	4 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn thì không khấu hao theo quy định hiện hành. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 4 năm.

#### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính từ 16 đến 50 năm.

2010  
CHI N  
NG T  
ELO  
IẾT  
PHỐ



**Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn thể hiện các khoản chi phí đã phát sinh liên quan đến hoạt động trồng, chăm sóc, bảo vệ đối với rừng kinh tế do Tổng Công ty tự trồng và dự kiến sẽ thu hoạch trong thời gian hơn 12 tháng kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản dài hạn khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu liên quan đến tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng, giá vốn công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

*Tổng Công ty là bên cho thuê:* Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tổng Công ty là bên đi thuê:* Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính nước ngoài và báo cáo tài chính có đồng tiền kế toán là ngoại tệ được trình bày tại phần chính sách kế toán Đầu tư vào công ty liên kết bên trên.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.





Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	3.181.244.641	1.833.807.122
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.801.726.353	25.870.955.640
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
	<b><u>22.982.970.994</u></b>	<b><u>28.704.762.762</u></b>

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,5%/năm đến 7,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 7,4%/năm).

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>a. Các bên liên quan (Thuyết minh số 39)</b>	<b>11.737.963.102</b>	<b>4.290.328.369</b>
<b>b. Các bên thứ ba</b>	<b>22.052.387.548</b>	<b>26.203.844.999</b>
OBI Group Sourcing Hong Kong Limited	3.842.217.269	-
Công ty TNHH MTV Hào Hưng Quảng Ngãi	-	8.934.046.031
Asindo Limited	-	2.818.192.859
Các khách hàng khác	18.210.170.279	14.451.606.109
	<b><u>33.790.350.650</u></b>	<b><u>30.494.173.368</u></b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một phần khoản phải thu đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 24.



7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Các bên liên quan (Thuyết minh số 39)	14.300.000.000	60.000.000.000
b. Các bên thứ ba	5.245.885.042	3.870.334.230
CTCP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Phương Việt	1.697.790.000	-
Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	-	1.000.000.000
Các khách hàng khác	3.548.095.042	2.870.334.230
	<b>19.545.885.042</b>	<b>63.870.334.230</b>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy (*)	33.630.780.000	14.220.780.000
CTCP CNN Bình Định (**)	5.734.220.000	4.189.220.000
	<b>39.365.000.000</b>	<b>18.410.000.000</b>

(\*) Thể hiện khoản cho vay ngắn hạn tín chấp đối với Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy, cổ đông lớn, với lãi suất cho vay là 6,5%/năm.

(\*\*) Thể hiện khoản cho vay ngắn hạn tín chấp đối với CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định, với lãi suất cho vay là 6,5%/năm nhằm mục đích hỗ trợ nhu cầu vốn lưu động.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Các bên liên quan (Thuyết minh số 39)	14.415.958.529	9.974.701.592
b. Các bên thứ ba	6.425.289.624	5.536.552.401
CTCP Chế biến Tinh bột sắn Xuất khẩu Bình Định	1.033.203.572	1.033.203.572
CTCP Lâm sản PISICO Quảng Nam	1.820.000.000	2.047.500.000
Khác	3.572.086.052	2.455.848.829
	<b>20.841.248.153</b>	<b>15.511.253.993</b>

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Trên 3 năm	6.439.267.252	(6.439.267.252)	4.700.756.821	(4.700.756.821)
Từ 2-3 năm	632.633.483	(442.843.438)	1.289.574.922	(902.022.229)
Từ 1-2 năm	1.735.352.921	(867.676.463)	2.724.444.020	(1.361.736.144)
Từ 6 tháng - 1 năm	2.713.241.595	(813.972.480)	1.552.133.409	(465.348.502)
	<b>11.520.495.251</b>	<b>(8.563.759.633)</b>	<b>10.266.909.172</b>	<b>(7.429.863.696)</b>



11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	139.228.076	-
Nguyên liệu, vật liệu	14.117.943.668	-	14.061.614.853	-
Công cụ, dụng cụ	1.824.233.848	-	1.489.122.937	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	39.567.533.021	-	31.905.911.971	-
Thành phẩm	28.933.170.605	-	36.562.849.477	-
Hàng hoá	3.458.704.429	-	645.609.522	-
	<b>87.901.585.571</b>	<b>-</b>	<b>84.804.336.836</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một phần hàng tồn kho đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng với giá trị được định giá là 19.751.000.000 đồng như trình bày tại Thuyết minh 24.

(\*) Trong chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm chi phí thẩm định hồ sơ và khảo sát địa chất với giá trị là 236.189.818 đồng cho giai đoạn đầu của dự án “Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Pisico” theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số39/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 8 năm 2020 với tổng mức đầu tư 284.339.000.000 đồng.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
	VND	trong năm VND	trong năm VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	125.203.484	125.203.484	112.868.768	112.868.768
	<b>125.203.484</b>	<b>125.203.484</b>	<b>112.868.768</b>	<b>112.868.768</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	1.806.098.566	28.408.747.103	29.229.089.085	985.756.584
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	5.663.561	387.383.847	393.047.408	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.374.077.313	2.374.077.313	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.605.911.807	4.859.269.863	6.465.459.135	999.722.535
Thuế thu nhập cá nhân	71.025.191	826.216.730	825.970.990	71.270.931
Các loại thuế khác	495.000.000	930.211.662	936.608.145	488.603.517
	<b>4.983.699.125</b>	<b>37.785.906.518</b>	<b>40.224.252.076</b>	<b>2.545.353.567</b>

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	79.800.318.506	83.525.359.098	14.504.912.399	1.457.678.251	1.055.483.682	180.343.751.936
Tăng trong năm	136.044.057	170.000.000	1.329.900.000	-	-	1.635.944.057
Thanh lý	-	(450.000.000)	(700.000.000)	-	-	(1.150.000.000)
Số dư cuối năm	79.936.362.563	83.245.359.098	15.134.812.399	1.457.678.251	1.055.483.682	180.829.695.993
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	35.451.254.830	49.960.062.586	9.371.812.917	1.193.349.125	943.730.390	96.920.209.848
Khấu hao trong năm	3.557.403.915	7.013.886.228	880.622.431	131.247.001	53.929.204	11.637.088.779
Thanh lý	-	(450.000.000)	(700.000.000)	-	-	(1.150.000.000)
Số dư cuối năm	39.008.658.745	56.523.948.814	9.552.435.348	1.324.596.126	997.659.594	107.407.298.627
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	<b>44.349.063.676</b>	<b>33.565.296.512</b>	<b>5.133.099.482</b>	<b>264.329.126</b>	<b>111.753.292</b>	<b>83.423.542.088</b>
Tại ngày cuối năm	<b>40.927.703.818</b>	<b>26.721.410.284</b>	<b>5.582.377.051</b>	<b>133.082.125</b>	<b>57.824.088</b>	<b>73.422.397.366</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 42.254.610.435 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 38.102.121.140 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 và 25, Tổng Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 34.766.632.556 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 42.486.600.022 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.





14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	16.916.834.944	54.000.000	16.970.834.944
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	2.653.172.416	40.500.000	2.693.672.416
Khấu hao trong năm	389.361.532	13.500.000	402.861.532
Số dư cuối năm	3.042.533.948	54.000.000	3.096.533.948
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	<u>14.263.662.528</u>	<u>13.500.000</u>	<u>14.277.162.528</u>
Tại ngày cuối năm	<u>13.874.300.996</u>	-	<u>13.874.300.996</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá trị là 54.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 đồng).

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cụm công nghiệp Cát Nhơn và Canh Vinh VND	Cụm công nghiệp Nhơn Bình VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	50.049.350.032	38.635.719.983	88.685.070.015
Giảm tài sản (*)	(2.467.582.762)	-	(2.467.582.762)
Số dư cuối năm	47.581.767.270	38.635.719.983	86.217.487.253
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	9.686.575.303	34.556.022.357	44.242.597.660
Trích khấu hao trong năm	696.732.340	2.589.877.008	3.286.609.348
Giảm tài sản (*)	(386.211.583)	-	(386.211.583)
Số dư cuối năm	9.997.096.060	37.145.899.365	47.142.995.425
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	<u>40.362.774.729</u>	<u>4.079.697.626</u>	<u>44.442.472.355</u>
Tại ngày cuối năm	<u>37.584.671.210</u>	<u>1.489.820.618</u>	<u>39.074.491.828</u>

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này vì Tổng Công ty có ý định nắm giữ các bất động sản đầu tư này lâu dài để thu lợi ích từ việc cho thuê và cũng như không xác định được các bất động sản đầu tư cùng loại để xác định giá trị hợp lý.

(\*) Theo Quyết định số 3188/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Định ngày 05 tháng 8 năm 2020 với nội dung phê duyệt hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Becamex Bình Định (đợt 2), UBND tỉnh Bình Định quyết định thu hồi và đền bù một phần dự án Cụm công nghiệp Canh Vinh của Tổng Công ty. Do đó, Tổng Công ty điều chỉnh giảm tương ứng giá trị nguyên giá và khấu hao lũy kế của phần diện tích bị thu hồi.

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 740.453.372 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 740.453.372 đồng).

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
CTCP CNN Bình Định	111.281.994.584	121.728.191.067
CTCP Nội thất PISICO	17.628.230.129	13.650.907.095
CTCP PISICO Hà Thanh	10.992.712.836	8.849.085.331
Công ty Dăm gỗ Bình Định	16.450.013.052	18.212.187.732
CTCP PISICO Đồng An (*)	-	9.772.806.263
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO (**)	-	5.867.887.721
	<b><u>156.352.950.601</u></b>	<b><u>178.081.065.209</u></b>

(\*) Trong năm, CTCP Chế biến gỗ PISICO Đồng An đã thực hiện giải thể theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04-2020/NQ-HĐQT của CTCP Chế biến gỗ PISICO Đồng An ngày 07 tháng 12 năm 2020.

(\*\*) Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ giá trị phần góp vốn tại Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 46/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 12 năm 2019.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tổng tài sản	716.914.417.997	863.326.090.680
Tổng nợ phải trả	417.523.454.545	506.234.243.399
Tài sản thuần	299.390.963.452	357.091.847.281
<b>Phần lợi ích của Công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty liên doanh, liên kết</b>	<b><u>156.352.950.601</u></b>	<b><u>178.081.065.209</u></b>

**17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
CTCP Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	35.000.000	35.000.000
CTCP Chế biến Tinh bột sắn Xuất khẩu Bình Định	3.639.669.130	3.639.669.130
CTCP Lâm sản PISICO Quảng Nam	3.776.950.866	3.776.950.866
	<b><u>7.451.619.996</u></b>	<b><u>7.451.619.996</u></b>

**18. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
CTCP Chế biến Tinh bột sắn Xuất khẩu Bình Định	883.905.973	883.905.973



19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuê kết cấu hạ tầng	7.042.853.806	6.566.373.924
Vật tư lắp đặt internet	3.497.428.390	947.237.430
Thuê đất	-	1.024.220.400
Khác	2.340.848.227	2.328.780.334
	<b>12.881.130.423</b>	<b>10.866.612.088</b>

20. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.687.977.115	4.957.366.860
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.513.681.508)	(3.296.353.941)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>1.174.295.607</b>	<b>1.661.012.919</b>

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.513.681.508	3.296.353.941
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(3.513.681.508)	(3.296.353.941)
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

21. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.423.099.529
<b>HAO MÒN</b>	
Số dư đầu năm	711.549.765
Trích khấu hao trong năm	474.366.510
Số dư cuối năm	1.185.916.275
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	711.549.764
Tại ngày cuối năm	237.183.254

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn trong năm 2018.

22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
ScanCom Ltd.	2.620.420.054	2.620.420.054	-	-
Nguyễn Ngọc Vinh	1.330.936.600	1.330.936.600	-	-
Công ty TNHH MTV Hậu Minh	1.205.864.820	1.205.864.820	497.992.645	497.992.645
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Trang	1.096.883.357	1.096.883.357	247.907.253	247.907.253
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	1.020.278.337	1.020.278.337	1.810.562.401	1.810.562.401
DNTN Dệt may Thương mại Vạn Phát	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
XN KD DVTH Cảng Qui Nhơn	450.607.366	450.607.366	1.517.367.671	1.517.367.671
Các nhà cung cấp khác	11.692.779.160	11.692.779.160	15.516.077.556	15.516.077.556
	<b>20.417.769.694</b>	<b>20.417.769.694</b>	<b>20.589.907.526</b>	<b>20.589.907.526</b>

23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Cho thuê văn phòng làm việc	249.255.000	279.375.000
Cho thuê đất	-	1.122.500.000
Cho thuê truyền hình cáp và mạng internet	878.364.182	628.022.837
Cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp	3.804.470.141	4.943.392.542
Khác	20.393.942	40.560.606
	<b>4.952.483.265</b>	<b>7.013.850.985</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp	77.443.725.209	74.662.460.995
Khác	7.486.361	5.597.543
	<b>77.451.211.570</b>	<b>74.668.058.538</b>

24. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Trong năm			Số cuối năm
	VND Giá trị	VND Tăng	VND Giảm	VND Chênh lệch do đánh giá tỷ giá cuối kỳ	VND Giá trị
Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	76.690.197.818	385.425.374.284	402.674.834.663	63.048.704	59.503.786.143
+ Công ty mẹ (*)	35.230.267.654	111.252.801.040	117.472.003.523	63.048.704	29.074.113.875
+ Công ty Nguyên liệu giấy Qui Nhơn (**)	41.459.930.164	274.172.573.244	285.202.831.140	-	30.429.672.268
Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	4.204.000.000	3.355.000.000	4.204.000.000	-	3.355.000.000
+ Công ty Nguyên liệu giấy Qui Nhơn	464.000.000	240.000.000	464.000.000	-	240.000.000
+ Công ty Truyền hình cáp Quy Nhơn	3.740.000.000	3.115.000.000	3.740.000.000	-	3.115.000.000
	<b>82.894.197.818</b>	<b>388.780.374.284</b>	<b>408.878.834.663</b>	<b>63.048.704</b>	<b>62.858.786.143</b>



(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vay ngắn hạn tại Tổng Công ty thể hiện các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định bao gồm:

- Hợp đồng số 161/NHNT-BĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và có thời hạn cho vay tối đa là 04 tháng với lãi suất theo từng giấy nhận nợ.
- Hợp đồng số 162/NHNT-BĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng, có thể giải ngân bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và có thời hạn cho vay tối đa là 06 tháng với lãi suất theo từng giấy nhận nợ.

Công ty mẹ đã sử dụng một phần khoản phải thu, hàng tồn kho, nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh số 6, 11, và 13).

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vay ngắn hạn tại Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn thể hiện khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn theo hợp đồng số 2156/2019/HĐCV ngày 26 tháng 6 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng, nhằm mục đích thanh toán các chi phí phục vụ hoạt động chế biến dăm gỗ, thời hạn duy trì hạn mức vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay và có thời hạn cho vay tối đa là 04 tháng với lãi suất theo từng giấy nhận nợ.

## 25. VAY DÀI HẠN

	<b>Số đầu năm</b>		<b>Trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	5.222.841.000	-	3.355.000.000	1.867.841.000
+ Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	240.000.000	-	240.000.000	-
+ Công ty Truyền hình cáp Quy Nhơn	4.982.841.000	-	3.115.000.000	1.867.841.000
	<b>5.222.841.000</b>	<b>-</b>	<b>3.355.000.000</b>	<b>1.867.841.000</b>

Tại ngày 03 tháng 01 năm 2018, Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn với hạn mức tín dụng là 1,4 tỷ đồng, nhằm tài trợ cho dự án hệ thống máy móc thiết bị phục vụ chế biến dăm gỗ. Thời hạn cho vay tối đa là 39 tháng với lãi suất cố định 2 năm đầu tiên là 8,6%/năm, và sau hai năm sẽ áp dụng lãi suất thả nổi. Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn đã sử dụng các tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị để thế chấp cho các khoản vay dài hạn (xem Thuyết minh số 13).

Tại ngày 08 tháng 8 năm 2016, Công ty Truyền hình Cáp Quy Nhơn ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn với số tiền 12.983.000.000 đồng. Khoản vay này sẽ được trả trong vòng 60 tháng. Trong hai năm đầu tiên, khoản vay chịu lãi suất cố định 8,5%/năm, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động VND 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng biên lãi suất 3%/năm. Công ty Truyền hình Cáp Quy Nhơn đã sử dụng mạng truyền hình cáp mặt đất để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 13).

Tại ngày 09 tháng 4 năm 2019, Công ty Truyền hình Cáp Quy Nhơn ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định với số tiền 5.000.000.000 đồng. Khoản vay này sẽ được trả trong vòng 48 tháng. Trong hai năm đầu tiên, khoản vay chịu lãi suất cố định 8,9%/năm, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động VND 24 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng biên lãi suất 3,5%/năm. Công ty Truyền hình Cáp Quy Nhơn đã sử dụng hệ thống cung cấp dịch vụ Internet và truyền hình cáp kỹ thuật số để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 13).



Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.355.000.000	4.204.000.000
Trong năm thứ hai	1.240.000.000	3.355.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	627.841.000	1.867.841.000
	<u>5.222.841.000</u>	<u>9.426.841.000</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn ở Thuyết minh số 24)	<u>(3.355.000.000)</u>	<u>(4.204.000.000)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>1.867.841.000</u></b>	<b><u>5.222.841.000</u></b>

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 275.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, vốn điều lệ của Tổng Công ty được góp đủ với chi tiết như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2019</u>	
	<u>Giá trị (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	266.270.000.000	96,83
Các cổ đông khác	8.730.000.000	3,17
	<b><u>275.000.000.000</u></b>	<b><u>100</u></b>

Số cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

<b>Cổ phiếu</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>27.500.000</u>	<u>27.500.000</u>

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty như sau:

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>275.000.000.000</b>	<b>522.569.600</b>	<b>24.711.282.236</b>	<b>12.703.335.540</b>	<b>42.146.434.037</b>	<b>355.083.621.413</b>
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(4.761.385.757)	-	-	(4.761.385.757)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	29.536.837.879	29.536.837.879
Công ty mẹ chia cổ tức	-	-	-	-	(22.825.000.000)	(22.825.000.000)
Giảm tại công ty liên kết	-	-	-	-	(1.019.546.503)	(1.019.546.503)
Chia lợi nhuận cho đối tác hợp tác kinh doanh - SCTV	-	-	-	-	(1.850.000.000)	(1.850.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	(2.611.943.355)	(2.611.943.355)
Chi khen thưởng	-	-	-	-	(240.000.000)	(240.000.000)
Điều chỉnh khác	-	(522.569.600)	-	-	522.569.600	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>275.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>19.949.896.479</b>	<b>12.703.335.540</b>	<b>43.659.351.658</b>	<b>351.312.583.677</b>
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(4.049.218.868)	-	-	(4.049.218.868)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	27.839.706.788	27.839.706.788
Công ty mẹ chia cổ tức	-	-	-	-	(27.500.000.000)	(27.500.000.000)
Giảm tại công ty liên kết	-	-	-	-	(4.519.581.635)	(4.519.581.635)
Chia lợi nhuận cho đối tác hợp tác kinh doanh - SCTV	-	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	(2.136.897.016)	(2.136.897.016)
Chi khen thưởng	-	-	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>275.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>15.900.677.611</b>	<b>12.703.335.540</b>	<b>35.722.579.795</b>	<b>339.326.592.946</b>

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty thực hiện chia cổ tức với tỷ lệ 10% trên vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 27.500.000.000 đồng; trích quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế năm 2019 với tỷ lệ 1,47% trên lợi nhuận sau thuế năm 2019, tương ứng với số tiền 411.996.081 đồng và trích khen thưởng các cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2019 với số tiền là 120.000.000 đồng. Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức và trích lập các quỹ nêu trên.

**27. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

	CTCP PBC VND	Công ty Nguyên liệu giấy Qui Nhơn VND	CTCP PISICO Đắk Lắk VND
<b>Vốn điều lệ của công ty con</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>24.500.000.000</b>	<b>1.730.000.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
Vốn góp của Công ty mẹ	10.625.000.000	12.495.000.000	1.365.600.000
Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	4.375.000.000	12.005.000.000	364.400.000
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>29,17%</b>	<b>49,00%</b>	<b>21,06%</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	29,17%	49,00%	21,06%

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	CTCP PBC VND	Công ty Nguyên liệu giấy Qui Nhơn (*) VND	CTCP PISICO Đắk Lắk VND	Tổng VND
Tổng tài sản	34.754.473.258	78.011.918.956	1.730.000.000	114.496.392.214
Tổng nợ phải trả	3.522.153.765	40.015.423.052	-	43.537.576.817
<b>Tài sản thuần</b>	<b>31.232.319.493</b>	<b>37.996.495.904</b>	<b>1.730.000.000</b>	<b>70.958.815.397</b>
<i>Trong đó:</i>				
Vốn điều lệ	15.000.000.000	24.500.000.000	1.730.000.000	41.230.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	3.888.162.149	-	3.888.162.149
Quỹ đầu tư phát triển	650.000.000	5.522.089.342	-	6.172.089.342
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.582.319.493	4.086.244.413	-	19.668.563.906
<b>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>9.109.827.345</b>	<b>18.618.282.993</b>	<b>364.400.000</b>	<b>28.092.510.338</b>
<i>Trong đó:</i>				
Vốn điều lệ	4.375.000.000	12.005.000.000	364.400.000	16.744.400.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.908.067.817	-	1.908.067.817
Quỹ đầu tư phát triển	189.583.333	2.705.823.778	-	2.895.407.111
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.545.244.012	1.999.391.398	-	6.544.635.410

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	CTCP PBC VND	Công ty Nguyên liệu giấy Qui Nhơn (*) VND	CTCP PISICO Đắk Lắk VND	Tổng VND
Lợi nhuận sau thuế của công ty con	5.953.170.619	3.805.051.593	-	9.758.222.212
Điều chỉnh tại công ty liên kết gián tiếp - Công ty Dăm Gỗ Bình Định	-	(1.379.595.064)	-	(1.379.595.064)
<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>1.736.341.431</b>	<b>1.188.473.700</b>	<b>-</b>	<b>2.924.815.131</b>

(\*) Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần tại Công ty Nguyên liệu giấy Qui Nhơn bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát của Công ty Nguyên liệu giấy Qui Nhơn và lợi ích của cổ đông không kiểm soát phát sinh từ Công ty Dăm Gỗ Bình Định, là công ty liên kết gián tiếp được hợp nhất vào báo cáo hợp nhất của Tổng Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu.



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Thay đổi của lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	9.030.000.000	2.036.984.202	-	2.263.627.225	5.586.259.146	18.916.870.573
Điều chỉnh tại công ty liên kết	-	2.622.163.763	1.951.125.907	1.332.189.598	-	5.905.479.268
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(25.933.643)	-	-	(25.933.643)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	5.048.563.507	-	5.048.563.507
Chia cổ tức	-	-	-	(2.819.950.000)	-	(2.819.950.000)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	(881.373.986)	-	(881.373.986)
Điều chỉnh tăng vốn góp	7.350.000.000	(1.763.740.854)	-	-	(5.586.259.146)	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>16.380.000.000</b>	<b>2.895.407.111</b>	<b>1.925.192.264</b>	<b>4.943.056.344</b>	<b>-</b>	<b>26.143.655.719</b>
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(17.124.447)	-	-	(17.124.447)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.924.815.131	-	2.924.815.131
Trích quỹ trong năm	-	-	-	(1.323.236.065)	-	(1.323.236.065)
Góp vốn	364.400.000	-	-	-	-	364.400.000
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>16.744.400.000</b>	<b>2.895.407.111</b>	<b>1.908.067.817</b>	<b>6.544.635.410</b>	<b>-</b>	<b>28.092.510.338</b>

**28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Tài sản thuê ngoài:**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày ở Thuyết minh số 38.

**Ngoại tệ các loại:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	203.293	135.984
Euro ("EUR")	263	313

**Nợ khó đòi đã xử lý:**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Xuất nhập khẩu Bình Định	3.794.772.973	3.794.772.973
Công ty CP Chế biến Lâm sản Hưng Phú	1.828.896.666	1.828.896.666
Công nợ tại Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	1.016.882.600	1.016.882.600
	<b>6.640.552.239</b>	<b>6.640.552.239</b>

**29. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp	514.877.126.070	660.875.048.776
Doanh thu cho thuê và dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp	17.314.192.280	15.332.415.525
Doanh thu dịch vụ truyền hình cáp và internet	32.294.424.325	33.024.642.950
Doanh thu dịch vụ đào tạo và xuất khẩu lao động	4.530.000	-
	<b>564.490.272.675</b>	<b>709.232.107.251</b>

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	252.414.697.224	318.950.323.001
Chi phí nhân công	36.592.384.108	39.840.149.506
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.326.559.659	15.560.896.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.644.023.484	123.617.315.360
Chi phí khác bằng tiền	22.097.045.575	37.043.806.665
	<b>433.074.710.050</b>	<b>535.012.490.646</b>

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.831.700.000	4.451.250.000
Lãi tiền gửi, cho vay	5.470.258.710	6.067.526.376
Lãi chênh lệch tỷ giá	385.735.270	857.517.223
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	356.764.055	-
	<b>8.044.458.035</b>	<b>11.376.293.599</b>

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	3.551.336.857	5.931.295.228
Lỗ chênh lệch tỷ giá	438.021.023	453.423.443
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	3.401.091.293	-
	<b>7.390.449.173</b>	<b>6.384.718.671</b>

33. PHẦN LÃI TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT

Phần lãi/(lỗ) trong lợi nhuận sau thuế tính theo tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết:

	Năm nay VND	Năm trước VND
CTCP CNN Bình Định	(2.947.852.834)	(7.617.588.822)
CTCP Nội thất PISICO	7.473.617.407	5.456.404.792
CTCP PISICO Hà Thanh	2.283.936.816	3.655.085.331
Công ty Dầm gỗ Bình Định	16.785.807	1.738.158.831
CTCP PISICO Đồng An	-	1.612.334.438
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO	-	(935.086.507)
	<b>6.826.487.196</b>	<b>3.909.308.063</b>





34. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	1.293.753.906	1.231.490.483
Chi phí vật liệu, bao bì	1.465.326.025	3.325.585.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.074.927.773	30.567.125.237
Chi phí khác	3.155.085.734	7.833.377.232
	<b>30.989.093.438</b>	<b>42.957.578.336</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	9.521.799.983	8.769.876.427
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ	1.696.289.624	1.949.872.233
Chi phí khấu hao	2.474.336.812	2.528.221.217
Chi phí dự phòng	(506.872.111)	1.114.457.222
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.441.355.173	5.607.958.291
Chi phí khác	6.776.815.044	7.758.613.366
	<b>25.403.724.525</b>	<b>27.728.998.756</b>

35. THU NHẬP KHÁC/CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi thanh lý tài sản cố định tại Cụm Công nghiệp Canh Vinh	5.940.586.182	-
Thu nhập từ đền bù thu hồi mặt bằng	4.712.858.000	-
Thu nhập từ xử lý công nợ phải trả	826.755.059	60.000
Các khoản khác	363.549.526	363.019.114
	<b>11.843.748.767</b>	<b>363.079.114</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giảm giá trị rùng kinh tế do thu hồi mặt bằng	1.015.465.920	-
Các khoản khác	1.533.541.420	987.171.331
	<b>2.549.007.340</b>	<b>987.171.331</b>

007  
NHÀ  
TY  
LỢI  
TN  
Ổ HỒ

**36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	36.235.712.578	41.916.686.288
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng:</i>		
+ Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.666.845.923	2.491.597.695
+ Khoản lỗ tại các đơn vị thành viên không được bù trừ	836.930.964	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng khác	-	-
<i>Trừ:</i>		
+ Cổ tức và lãi từ công ty liên doanh, liên kết	10.197.336.799	9.492.670.342
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	2.708.686.751	1.828.150.195
Thu nhập tính thuế	28.833.465.915	33.110.556.040
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>5.766.693.183</b>	<b>6.622.111.208</b>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP</i>	<i>782.219.836</i>	<i>-</i>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>4.984.473.347</b>	<b>6.622.111.208</b>

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	486.717.312	709.173.694
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>486.717.312</b>	<b>709.173.694</b>

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ dự án đầu tư Cụm Công nghiệp Canh Vinh và Cụm Công nghiệp Cát Nhơn. Theo đó, Tổng Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập tính thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2022). Đối với các hoạt động kinh doanh còn lại, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

**37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ	27.839.706.788	29.536.837.879
Số trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	-	2.256.897.016
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.839.706.788	27.279.940.863
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	27.500.000	27.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.012</b>	<b>992</b>



(\*) Tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính trên lợi nhuận sau thuế năm 2020 sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông năm 2021. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chưa ước tính số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi vì chưa có quyết định chính thức.

Tổng Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 căn cứ vào số tiền trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi đã được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **38. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	828.653.166	827.021.003
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.323.693.797	3.308.084.011
Sau năm năm	16.465.297.645	17.256.180.198
	<b>20.617.644.608</b>	<b>21.391.285.212</b>

Các khoản cam kết thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất văn phòng Tổng Công ty, xí nghiệp, thuê đất trồng rừng sản xuất, thuê đất gắn kết hạ tầng và phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê của Tổng Công ty với thời gian thuê trên 01 năm.

### **39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	Công ty mẹ
CTCP Nội thất PISICO	Công ty liên kết
Công ty Dăm gỗ Bình Định	Công ty liên kết
CTCP PISICO Hà Thanh	Công ty liên kết
CTCP PISICO Đồng An	Công ty liên kết
CTCP CNN Bình Định	Công ty liên kết
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	Công ty cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	Công ty cùng chủ sở hữu

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Bán hàng</b>		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	5.244.080.916	557.617.500
CTCP Nội thất PISICO	2.346.309.854	4.268.594.602
Công ty Dăm gỗ Bình Định	61.271.438.360	94.522.894.030
CTCP PISICO Hà Thanh	58.815.107.601	6.224.378.900
	<b>127.676.936.731</b>	<b>105.573.485.032</b>
<b>Mua hàng</b>		
CTCP PISICO Hà Thanh	102.033.030.082	137.943.345.817
CTCP PISICO Đồng An	4.844.290.600	-
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	565.153.585	-
	<b>107.442.474.267</b>	<b>137.943.345.817</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thu tiền cho thuê cơ sở hạ tầng, cho thuê văn phòng</b>		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	99.151.824	92.944.261
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	115.237.524	92.944.261
	<b>214.389.348</b>	<b>185.888.522</b>
<b>Cho thuê cơ sở hạ tầng và dịch vụ đi kèm</b>		
CTCP PISICO Hà Thanh	802.145.905	795.138.025
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	-	713.187.279
	<b>802.145.905</b>	<b>1.508.325.304</b>
<b>Lợi nhuận, cổ tức được chia</b>		
Công ty Dăm gỗ Bình Định	1.396.380.870	2.125.914.834
CTCP Nội thất PISICO	3.151.050.000	2.100.700.000
CTCP PISICO Hà Thanh	2.029.032.000	2.226.000.000
CTCP PISICO Đồng An	4.624.301.318	1.816.742.400
	<b>11.200.764.188</b>	<b>8.269.357.234</b>
<b>Chia cổ tức</b>		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	26.627.000.000	22.100.410.000
<b>Cho vay</b>		
CTCP CNN Bình Định	5.545.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	25.410.000.000	14.220.780.000
	<b>30.955.000.000</b>	<b>16.220.780.000</b>
<b>Thu hồi nợ vay</b>		
CTCP CNN Bình Định	4.000.000.000	10.190.780.000
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	6.000.000.000	-
	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.190.780.000</b>
<b>Lãi cho vay</b>		
CTCP CNN Bình Định	489.913.996	669.747.800
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	2.059.626.593	87.303.392
	<b>2.549.540.589</b>	<b>757.051.192</b>
<b>Góp vốn</b>		
CTCP PISICO Hà Thanh	2.248.480.000	-
<b>Lãi ứng trước tiền hàng</b>		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	1.068.510.957	1.105.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	795.760.273	2.795.000.000
	<b>1.864.271.230</b>	<b>3.900.000.000</b>
<b>Thu lại tiền ứng trước tiền mua hàng</b>		
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	43.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	2.700.000.000	-
	<b>45.700.000.000</b>	<b>-</b>





Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	6.662.872.502	1.507.579.550
CTCP PISICO Hà Thanh	4.204.720.346	1.160.399.230
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	870.370.254	1.622.349.589
	<b>11.737.963.102</b>	<b>4.290.328.369</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	14.300.000.000	17.000.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	-	43.000.000.000
	<b>14.300.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	3.590.760.273	2.795.000.000
Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt	2.173.510.957	1.105.000.000
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	2.146.929.985	87.303.392
CTCP CNN Bình Định	1.159.661.796	669.747.800
CTCP Nội thất PISICO	3.151.050.000	2.100.700.000
CTCP PISICO Hà Thanh	2.029.032.000	2.226.000.000
CTCP PISICO Đồng An	165.013.518	990.950.400
	<b>14.415.958.529</b>	<b>9.974.701.592</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Thương mại Ánh Vy	33.630.780.000	14.220.780.000
CTCP CNN Bình Định	5.734.220.000	4.189.220.000
	<b>39.365.000.000</b>	<b>18.410.000.000</b>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tiền lương</b>		
Chủ tịch Hội đồng Quản trị	488.400.000	444.000.000
Tổng Giám đốc	462.000.000	420.000.000
Phó Tổng Giám đốc	346.500.000	315.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	311.520.000	283.200.000
Kế toán trưởng	346.500.000	315.000.000
	<b>1.954.920.000</b>	<b>1.777.200.000</b>
<b>Thù lao</b>		
Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị	60.000.000	60.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị	60.000.000	60.000.000
Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>
	<b>2.134.920.000</b>	<b>1.957.200.000</b>

**40. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- 1 – Sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp: trồng và khai thác rừng; Chế biến lâm sản; Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về gỗ.
- 2 – Hạ tầng cụm công nghiệp: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, cho thuê cơ sở hạ tầng.
- 3 – Truyền hình cáp: quản lý hoạt động và kinh doanh truyền hình cáp.
- 4 – Hoạt động khác.



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Việc ra các quyết định quản lý của Tổng Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Tổng Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Tổng Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Tổng Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

	Sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp		Hạ tầng Cụm Công nghiệp		Truyền hình cáp		Phần theo dõi và quản lý chung		Cộng	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>										
Tài sản bộ phận	146.836.163.687	192.382.904.664	115.569.870.668	115.319.694.169	23.128.301.974	24.895.902.374	-	-	285.534.336.329	332.598.501.207
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	271.610.117.616	268.382.285.051	271.610.117.616	268.382.285.051
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>146.836.163.687</b>	<b>192.382.904.664</b>	<b>115.569.870.668</b>	<b>115.319.694.169</b>	<b>23.128.301.974</b>	<b>24.895.902.374</b>	<b>271.610.117.616</b>	<b>268.382.285.051</b>	<b>557.144.453.945</b>	<b>600.980.786.258</b>
Nợ phải trả bộ phận	32.749.013.000	38.947.663.976	82.560.065.364	79.755.553.889	9.578.011.307	6.727.997.464	-	-	124.887.089.671	125.431.215.329
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	64.838.260.990	98.093.331.533	64.838.260.990	98.093.331.533
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>32.749.013.000</b>	<b>38.947.663.976</b>	<b>82.560.065.364</b>	<b>79.755.553.889</b>	<b>9.578.011.307</b>	<b>6.727.997.464</b>	<b>64.838.260.990</b>	<b>98.093.331.533</b>	<b>189.725.350.661</b>	<b>223.524.546.862</b>

	Sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp		Hạ tầng Cụm Công nghiệp		Truyền hình cáp		Phần theo dõi và quản lý chung		Cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT</b>										
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	514.881.656.070	660.875.048.776	17.314.192.280	15.332.415.525	32.294.424.325	33.024.642.950	-	-	564.490.272.675	709.232.107.251
Doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận từ công ty liên kết	385.735.270	4.766.825.286	-	-	-	-	14.485.209.961	10.518.776.376	14.870.945.231	15.285.601.662
Thu nhập khác	5.836.542.546	-	6.007.206.221	-	-	-	-	363.079.114	11.843.748.767	363.079.114
<b>Tổng doanh thu và thu nhập khác</b>	<b>521.103.933.886</b>	<b>665.641.874.062</b>	<b>23.321.398.501</b>	<b>15.332.415.525</b>	<b>32.294.424.325</b>	<b>33.024.642.950</b>	<b>14.485.209.961</b>	<b>10.881.855.490</b>	<b>591.204.966.673</b>	<b>724.880.788.027</b>
Giá vốn hàng bán	463.465.475.262	579.028.752.020	6.259.927.239	6.869.846.204	18.911.577.118	19.007.036.421	-	-	488.636.979.619	604.905.634.645
Chi phí bán hàng	29.013.060.810	41.443.650.503	-	-	1.976.032.628	1.513.927.833	-	-	30.989.093.438	42.957.578.336
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.016.750.806	18.087.089.286	3.358.446.223	3.749.608.831	5.028.527.496	5.417.934.129	-	474.366.510	25.403.724.525	27.728.998.756
Chi phí tài chính	438.021.023	453.423.443	-	-	-	-	6.952.428.150	5.931.295.228	7.390.449.173	6.384.718.671
Chi phí khác	2.488.137.619	-	60.000.000	-	869.721	-	-	987.171.331	2.549.007.340	987.171.331
<b>Tổng chi phí</b>	<b>512.421.445.520</b>	<b>639.012.915.252</b>	<b>9.678.373.462</b>	<b>10.619.455.035</b>	<b>25.917.006.963</b>	<b>25.938.898.383</b>	<b>6.952.428.150</b>	<b>7.392.833.069</b>	<b>554.969.254.095</b>	<b>682.964.101.739</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>8.682.488.366</b>	<b>26.628.958.810</b>	<b>13.643.025.039</b>	<b>4.712.960.490</b>	<b>6.377.417.362</b>	<b>7.085.744.567</b>	<b>7.532.781.811</b>	<b>3.489.022.421</b>	<b>36.235.712.578</b>	<b>41.916.686.288</b>
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	7.034.305.124	7.292.168.446	3.408.000.204	3.411.193.388	4.884.254.331	4.857.534.280	-	-	15.326.559.659	15.560.896.114
Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản cố định và bất động sản đầu tư	2.018.689.057	3.228.278.364	-	130.660.000	1.148.714.350	6.735.938.182	-	-	3.167.403.407	10.094.876.546



41. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 17.379.497.621 đồng (2019: 12.388.574.578 đồng), là số tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận còn phải thu. Vì vậy, một số tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia.



Nguyễn Đức Phước  
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởng



Đồng Thị Ánh  
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 4 năm 2021